

Bản án số: 234/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2018

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phương.

2. Ông Võ Văn Tám.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1966 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Gi, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp Tr 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 7 năm 2017, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ trình bày:

Vào năm 1988, sau khi tìm hiểu nhau về tình cảm, bà và ông G chung sống vợ chồng, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Phú Mỹ vào ngày 23 tháng 12 năm 2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Do ông Gi ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập bà, khi vợ chồng cãi nhau thì ông Gi chửi bà bằng những lời lẽ thô tục, gia đình chồng không khuyên can còn bênh vực chồng, mâu thuẫn vì thế kéo dài nhiều năm. Vợ chồng chính thức ly thân với nhau từ hơn 01 năm nay. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông Gi.

Về con chung có 02 người tên Bùi Tấn L sinh năm 1991 và Bùi Kim L sinh năm 1993. Hai con hiện đã trưởng thành và tự lập được.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

- Ông Bùi Văn Gi vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên ông Gi được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần từ khi thụ lý đến khi xét xử, nhưng ông vắng mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của bà Đ và ông Gi được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Đ về xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Tấn L, sinh năm 1991 và Bùi Kim L, sinh năm 1993 con chung hiện đã trưởng thành và tự lập được nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Gi được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông không có mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông theo Điều 227, Bộ Luật tố tụng dân sự, hiện tại ông Gi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 14, ấp Tr 1, TT Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Nên bà Đ khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của ông, bà được xác lập năm 1988 trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống, không tổ

chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ khi có mâu thuẫn xảy ra, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi và mâu thuẫn giữa ông Gi bà Đ ngày càng trầm trọng và chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay, thời gian ly thân ông, bà không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này phù hợp lời trình bày của bà Bùi Thị C (em ruột của ông Gi) nên bà Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: có hai người tên Bùi Tấn L, sinh năm 1991 và Bùi Kim L, sinh năm 1993 hai con chung hiện đã trưởng thành và tự lập được.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà Đ xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đ là người xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định. Ông Giàu không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Đ đối với ông Bùi Văn Gi

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Đ được ly hôn với ông Bùi Văn Gi.
- Về con chung: đã trưởng thành
- Về tài sản: không

* Về án phí sơ thẩm: Bà Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016365 ngày 15/11/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Ông Gi không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Gi được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Bùi Văn Chiến